



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh An Giang

Số 40

Ngày 20 tháng 09 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

06/09/2023	Quyết định số 1425/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ	3
11/09/2023	Quyết định số 1456/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	7
12/09/2023	Quyết định số 1466/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang	12
14/09/2023	Quyết định số 1483/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp	29
07/09/2023	Công văn số 1159/UBND-KTN Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	51

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: 1425/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 06 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1915/QĐ-BKHHCN ngày 28/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang tại Tờ trình số 1210/TTr-SKHHCN ngày 30 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Thay thế Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 mục 6, Phụ lục 1 của Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục tại số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05 của lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân (nội dung I), mục 5, Phần A, Phụ lục I và sửa đổi, bổ sung thủ tục tại số thứ tự 41, 42 của lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân (nội dung VI), mục 3, Phần A, Phụ lục III của Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.002385.000.00.00.H01	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Thông tư số 13/2023/TT-BKHHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số VBQPPL do BKHCN ban hành, liên tịch ban hành	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	UBND cấp tỉnh
2	2.002380.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế			
3	2.002381.000.00.00.H01	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế			
4	2.002382.000.00.00.H01	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế			

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	2.002383.000.00.00.H01	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Thông tư số 13/2023/TT-BKHHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số VBQPPL do BKHCN ban hành, liên tịch ban hành	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	UBND cấp tỉnh
6	2.002384.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế			
7	2.002379.000.00.00.H01	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: 1456/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 11 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ vào Quyết định số 1907/QĐ-BYT ngày 19/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Mỹ phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ vào Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 165/TTr-SYT ngày 07 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thứ tự số 5, 6, 17 tại Phần A, Mục I, lĩnh vực Dược phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thứ tự số 04 Mục III, lĩnh vực Mỹ phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số thứ tự 16, 19, 34, 128 tại Phần 17 Phụ lục 1 danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của cấp tỉnh vào thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC MỚI BAN HÀNH VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Mỹ phẩm					
1	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016; - Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm; - Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2021. - Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.003613.000.00.00.H01	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.	Dược phẩm	Sở Y tế
2	1.004599.000.00.00.H01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.		
3	1.004596.000.00.00.H01	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. - Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc. - Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
4	1.002483.000.00.00.H01	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	<ul style="list-style-type: none">- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012;- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực y tế;- Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;	Mỹ phẩm	Sở Y tế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 1466/QĐ-UBND

An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nhà ở và công sở; lĩnh vực thí nghiệm; lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng và lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang tại Tờ trình số 3363/TTr-SXD ngày 08 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

1. Lĩnh vực giám định tư pháp

1.1. Thủ tục Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương.	Mã TTHC:	2.001116.H01
		Tháng BH	9/2023

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- MỤC ĐÍCH
- PHẠM VI
- TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- NỘI DUNG QUY TRÌNH
- BIỂU MẪU
- HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc hiếu Ân	Nguyễn Hồng Lĩnh	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP. Giám định xây dựng	TP. Giám định xây dựng	PGĐ. Sở Xây dựng

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 03/7/2023 của BXD	Các nội dung ở Dự thảo lần 1	Điều chỉnh nội dung, thời gian thực hiện	Lần 3	14/7/2023

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này được thiết lập nhằm giải quyết các vấn đề về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho hoạt động giám định tư pháp xây dựng trong hoạt động xây dựng. Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sửa đổi, bổ sung Điều 2, Điều 3 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP). - Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng. - Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. - Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 03/7/2023 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng
5.2	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p>
	<p>Giám định viên tư pháp xây dựng phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; trong đó, tiêu chuẩn hoạt động chuyên môn phù hợp được quy định như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật <ol style="list-style-type: none"> a) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng: phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật

	<p>về xây dựng hoặc có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên về quy hoạch xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định;</p> <p>b) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: phải đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để thực hiện một trong các công việc khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên về hoạt động xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định;</p> <p>c) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về nhà ở và kinh doanh bất động sản: phải có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên về nhà ở và thị trường bất động sản, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định.</p> <p>2. Trường hợp giám định tư pháp về chất lượng xây dựng công trình</p> <p>a) Đối với giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng: phải có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định;</p> <p>b) Đối với giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: phải đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định.</p> <p>3. Trường hợp giám định chi phí xây dựng công trình, giá trị nhà ở và bất động sản: phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định.</p>		
<p>5.3</p>	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<p>5.3.1. Văn bản đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp (theo Phụ lục kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BXD)</p>	<p>X</p>	
	<p>5.3.2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm;</p>		<p>X</p>
	<p>5.3.3. Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp;</p>	<p>X</p>	

	5.3.4. Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc;	X		
	5.3.5. Bản sao Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hoặc bản kê khai điều kiện năng lực phù hợp với tiêu chuẩn giám định viên tư pháp xây dựng quy định (nếu có).		X	
	5.3.6. 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (chụp trong vòng 06 tháng gần nhất).	X		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (bao gồm 20 ngày quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp và 10 ngày cấp thẻ giám định viên tư pháp)			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không có.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: Đối với ra Quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương (20 ngày + 10 ngày = 240 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC) - Chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	76 giờ	Sở Tư pháp có văn bản phối hợp trong thời hạn 64 giờ từ

	<ul style="list-style-type: none"> - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến phối hợp của Sở Tư pháp. 			<p>khi nhận được hồ sơ lấy ý kiến của Sở Xây dựng</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt. 	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	16 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đủ điều kiện: Tờ trình, dự thảo Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BTP). - Trường hợp từ chối: thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do
Bước 4	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Ký số và chuyển Tờ trình, dự thảo Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp đến Ủy ban nhân dân tỉnh 	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 5	UBND tỉnh ký Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BTP), quét ký số chuyển Sở Tư pháp.	Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc PCT UBND tỉnh phụ trách)	40 giờ	Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp. - Chuyển bộ phận chuyên môn tổ chức cấp thẻ. 	Sở Tư pháp	08 giờ	

Bước 7	Cấp thẻ giám định viên tư pháp (Sở Tư pháp trả thẻ chuyển cho Chuyên viên tại TTPVHCC của Sở Xây dựng)	Sở Tư pháp	72 giờ	Thẻ giám định viên tư pháp (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BTP).
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC (Sở Xây dựng)	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Văn bản đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng quy định.
2	Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu 01 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 02. Văn bản đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BTP ngày 22 tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM, CẤP THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị miễn nhiệm, cấp thẻ của các cá nhân, đáp ứng tiêu chuẩn của giám định viên tư pháp xây dựng theo quy định,(1)..... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng cho các cá nhân như sau:

TT	Họ và tên	Mã số định danh/ Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/ (2)	Đăng ký đối tượng, nội dung giám định (3)	Ghi chú (4)
1
2

Hồ sơ cá nhân đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ⁽⁵⁾ kèm theo văn bản này.

.....(1).....

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)

(1) Tên tổ chức đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng

(2) Chứng minh nhân dân/căn cước công dân (ghi số, ngày cấp, nơi cấp)

(3) Nội dung giám định (ghi nội dung giám định theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 17/2021/TT-BXD); đối tượng giám định (kê khai loại, cấp công trình)

(4) Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của tổ chức, cá nhân đề nghị.

(5) Hồ sơ cá nhân đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ, bao gồm:

-
- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm.
 - Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp.
 - Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc.
 - Bản sao Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hoặc bản kê khai điều kiện năng lực phù hợp với tiêu chuẩn giám định viên tư pháp xây dựng quy định (*nếu có*).

1.2.Thủ tục Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương.	Mã TTHC:	1.011675.H01
		Tháng BH	9/2023

MỤC LỤC**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc hiếu Ân	Nguyễn Hồng Linh	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP. Giám định xây dựng	TP. Giám định xây dựng	PGĐ. Sở Xây dựng

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 03/7/2023 của BXD	Các nội dung ở Dự thảo lần 1		Lần 1	14/7/2023

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này được thiết lập nhằm giải quyết các vấn đề về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho hoạt động giám định tư pháp xây dựng trong hoạt động xây dựng. Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sửa đổi, bổ sung Điều 2, Điều 3 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP). - Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng. - Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 03/7/2023 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng
5.2	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p>
	<p>Khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2020/QH14, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp; + Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp; + Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp; + Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật Giám định tư pháp; + Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật; + Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp; + Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp là

	<p>công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;</p> <p>+ Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp (theo Phụ lục kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BXD)	X	
	5.3.2. Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2020/QH14, cụ thể như sau:	x	
	- Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp;	X	
	+ Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp;	X	
	+ Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;	X	
	+ Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật Giám định tư pháp;	X	
	+ Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật;	X	
	+ Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;	X	

	+ Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;	X		
	+ Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động.	X		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không có.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: Đối với ra Quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương (10 ngày = 80 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC) - Chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	32 giờ	Sở Tư pháp có văn bản phối hợp trong thời hạn 24 giờ từ

	- Lấy ý kiến phối hợp của Sở Tư pháp.			khi nhận được hồ sơ lấy ý kiến của Sở Xây dựng
	- Trình lãnh đạo phê duyệt.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	Tờ trình, dự thảo Quyết định
Bước 3	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	06 giờ	Tờ trình, dự thảo Quyết định
Bước 4	- Văn phòng - Chuyển Tờ trình, dự thảo Quyết định về việc miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp đến Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn thư Văn phòng Sở	06 giờ	
Bước 5	UBND tỉnh ký Quyết định về việc miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp (Quét ký số chuyển kết quả cho Chuyên viên tại TTPVHCC của Sở Xây dựng)	Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc PCT UBND tỉnh phụ trách)	24 giờ	Quyết định về việc miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Văn bản đề nghị miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng (ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng).

7. HỒ SƠ LƯU**Hồ sơ lưu baogồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng quy định.
2	Quyết định về việc miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu 01 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 01

Văn bản đề nghị miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng (ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM, THU HỒI THẺ
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị miễn nhiệm, thu hồi thẻ của các cá nhân, đáp ứng tiêu chuẩn của giám định viên tư pháp xây dựng theo quy định,(1).... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng cho các cá nhân như sau:

TT	Họ và tên	Mã số định danh/ Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/ (2)	Đăng ký đối tượng, nội dung giám định (3)	Ghi chú (4)
1
2

Hồ sơ cá nhân đề nghị miễn nhiệm, thu hồi thẻ kèm theo văn bản này.

.....(1).....

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)

(1) Tên tổ chức đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng

(2) Chứng minh nhân dân/căn cước công dân (ghi số, ngày cấp, nơi cấp)

(3) Nội dung giám định (ghi nội dung giám định theo quy định tại Điều 3 Thông tư này); đối tượng giám định (kê khai loại, cấp công trình)

(4) Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của tổ chức, cá nhân đề nghị.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1483/QĐ-UBND

An Giang, ngày 14 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Công bố bổ sung Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lý lịch tư pháp và thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh tại Tờ trình số 149/TTr-STP ngày 07 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ thủ tục 1, 2, 3 Phần III Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục I
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

1. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam (2.000488.000.00.00.H01)

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Ngày BH/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU.

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, các cơ quan có liên quan đến trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12. + Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14. + Luật Căn cước công dân năm 2014. + Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020. + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
5.2	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không.</p>

	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3	Tờ khai yêu cầu cấp phiếu LLTP (Mẫu số 03/2013/TT-LLTP/Mẫu số 04/2013/TT-LLTP)	x	
	CMND/ thẻ CCCD/ Hộ chiếu		X
	Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền thì không cần văn bản ủy quyền).	x	
	Giấy tờ chứng minh thuộc diện miễn, giảm phí (nếu có)		X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày (80 giờ), kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày (120 giờ).		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại https://dichvucong.angiang.gov.vn/ hoặc https://dichvucong.gov.vn. 		
5.7	Phí: <ul style="list-style-type: none"> + Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000đồng/lần/người. + Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000đồng/lần/người. <p>Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</p>		

	Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu lý lịch tư pháp thu thêm 5.000đ/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.			
5.8	Quy trình xử lý công việc (<i>trực tiếp và trực tuyến</i>)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Tiếp nhận, hướng dẫn, kiểm tra (<i>theo mục 5.2 và 5.3</i>), yêu cầu cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, số hóa hồ sơ và in Giấy tiếp nhận và trả kết quả cho cá nhân (<i>trừ hồ sơ nộp trực tuyến</i>).	Công chức TN và TKQ tại TTPVHCC	08 giờ	Giấy tiếp nhận và trả kết quả
B2	Nhận hồ sơ và phân công chức xử lý	Lãnh đạo Phòng HCTP	04 giờ	
B3	Thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về gửi tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng HCTP	60 giờ hoặc 100 giờ (nếu cư trú nhiều nơi hoặc xóa án tích)	Văn bản xác minh gửi đến các cơ quan phối hợp
B4	Thẩm định, xem xét và phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Phiếu Lý lịch tư pháp số 1/số 2
B5	Quét ký số phát hành và chuyển kết quả (<i>điện tử, bản giấy</i>) về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở Tư pháp	04 giờ	
B6	Tiến hành trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân.	Công chức TN và TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

6. BIỂU MẪU: 02 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 03/2013/TT-LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP)
2	Mẫu số 04/2013/TT-LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2) (ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP)

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Bộ hồ sơ đầy đủ về thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

Mẫu số 03/2013/TT-LLTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP
(Dùng cho cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)

Kính gửi:

1. Tên tôi là¹:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Giới tính :.....
4. Ngày, tháng, năm sinh://
5. Nơi sinh²:.....
6. Quốc tịch:.....
7. Dân tộc:.....
8. Nơi thường trú ³:.....
.....
9. Nơi tạm trú⁴:
.....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :.....⁵Số:.....
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
11. Họ tên cha:..... Ngày/tháng/năm sinh
12. Họ tên mẹ:..... Ngày/tháng/năm sinh
13. Họ tên vợ/chồng..... Ngày/tháng/năm sinh
11. Số điện thoại/e-mail:

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN

(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc ⁶

Phân khai về án tích, nội dung bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

.....

Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp⁷: **Số 1** **Số 2**

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp **số 1**): Có Không

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:.....

.....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

² Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

^{3,4} Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

⁵ Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

⁶ Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

⁷ **Phiếu lý lịch tư pháp số 1** là Phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

Phiếu lý lịch tư pháp số 2 là Phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Mẫu số 04/2013/TT-LLTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

(Dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2)

Kính gửi:

1. Tên tôi là¹:
2. Tên gọi khác (nếu có):..... 3. Giới tính:.....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... 5. Nơi sinh²:
6. Địa chỉ³:
-Số điện thoại :.....
7. Giấy CMND/Hộ chiếu:⁴ Số:.....
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
8. Được sự ủy quyền :
- 8.1. Mọi quan hệ với người uỷ quyền⁵ :.....
- 8.2. Theo văn bản ủy quyền ký ngày ⁶.....tháng.....năm.....
- Tôi làm Tờ khai này đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có tên dưới đây :

PHẦN KHAI VỀ NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

1. Họ và tên⁷:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):..... 3. Giới tính.....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... 5. Nơi sinh² :.....
6. Quốc tịch :..... 7. Dân tộc:.....
8. Nơi thường trú⁸:
-
9. Nơi tạm trú⁹:
-
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :.....¹⁰Số:
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
11. Số điện thoại/e-mail:

**PHẦN KHAI VỀ CHA, MẸ, VỢ/ CHỒNG CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN
HOẶC CHA, MẸ CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN**

	CHA	MẸ	VỢ/ CHỒNG
Họ và tên			
Ngày, tháng, năm sinh			

**QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA
THÀNH NIÊN¹¹**

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc ¹²

Phần khai về án tích, về nội dung cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

Yêu cầu xác nhận về nội dung cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản: Có Không

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:.....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam) 2.001417.000.00.00.H01

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Ngày BH/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU.

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, các cơ quan có liên quan đến trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1 Cơ sở pháp lý:

- + Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12.
- + Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14.
- + Luật Căn cước công dân năm 2014.
- + Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020.
- + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.
- + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.
- + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
- + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.
- + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không.			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức (Mẫu số 05a/2013/TT-LLTP).	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày (80 giờ), kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày (120 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại https://dichvucong.angiang.gov.vn/ hoặc https://dichvucong.gov.vn. 			
5.7	Phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc (trực tiếp và trực tuyến)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Tiếp nhận, hướng dẫn, kiểm tra (theo mục 5.2 và 5.3), số hóa hồ sơ và in Giấy tiếp nhận và trả kết quả cho tổ chức (trừ hồ sơ nộp trực tuyến).	Công chức TN và TKQ tại TTPVHCC	08 giờ	Giấy tiếp nhận và trả kết quả
B2	Nhận hồ sơ và phân công chức xử lý	Lãnh đạo Phòng HCTP	04 giờ	

B3	Thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về gửi tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng HCTP	60 giờ hoặc 100 giờ (nếu cư trú nhiều nơi hoặc xóa án tích)	Văn bản xác minh gửi đến các cơ quan phối hợp
B4	Thẩm định, xem xét và phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Phiếu Lý lịch tư pháp số 1
B5	Quét ký số phát hành và chuyển kết quả (<i>điện tử, bản giấy</i>) về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở Tư pháp	04 giờ	
B6	Tiến hành trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức.	Công chức TN và TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

6. BIỂU MẪU: 02 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 05a/2013/TT-LLTP	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức.

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Bộ hồ sơ đầy đủ về thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)

Mẫu số 05a/2013/TT- LLTP
(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 1
dùng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức
chính trị xã hội)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số:, ngày..... tháng.....năm.....

Kính gửi:¹

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009,.....
.....² đề nghị¹ cấp Phiếu lý lịch tư
pháp số 1 của người có tên dưới đây:

1. Họ và tên:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Giới tính.....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....
5. Nơi sinh :.....
6. Quốc tịch :.....
7. Dân tộc.....
8. Nơi thường trú:
-
9. Nơi tạm trú:
-
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :.....Số:.....
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
11. Yêu cầu xác nhận về nội dung cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản:
Có Không
12. Mục đích sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp:
.....
13. Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú :

¹ Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

² Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

**3. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)
2.000505.000.00.00.H01**

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Ngày BH/...../ 20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU.

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, các cơ quan có liên quan đến trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12. + Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14. + Luật Căn cước công dân năm 2014. + Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020. + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
5.2	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không.</p>

	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
5.3	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP)	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày (80 giờ), kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày (120 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại https://dichvucong.angiang.gov.vn/ hoặc https://dichvucong.gov.vn. 			
5.7	Phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc (trực tiếp và trực tuyến)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Tiếp nhận, hướng dẫn, kiểm tra (theo mục 5.2 và 5.3), số hóa hồ sơ và in Giấy tiếp nhận và trả kết quả cho tổ chức (trừ hồ sơ nộp trực tuyến).	Công chức TN và TKQ tại TTPVHCC	08 giờ	Giấy tiếp nhận và trả kết quả
B2	Nhận hồ sơ và phân công chức xử lý	Lãnh đạo Phòng HCTP	04 giờ	
B3	Thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về gửi tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp.	Công chức phòng HCTP	60 giờ hoặc	Văn bản xác minh gửi đến các cơ quan phối hợp

	Dự thảo kết quả giải quyết TTHC		100 giờ (nếu cư trú nhiều nơi hoặc xóa án tích)	
B4	Thẩm định, xem xét và phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Phiếu Lý lịch tư pháp số 2
B5	Quét ký số phát hành và chuyển kết quả (<i>điện tử, bản giấy</i>) về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở Tư pháp	04 giờ	
B6	Tiến hành trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức.	Công chức TN và TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP)

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Bộ hồ sơ đầy đủ về thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)

Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP

(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 2 dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày..... tháng.....năm.....

Kính gửi¹:

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009, để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử,.....² đề nghị¹ cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của người có tên dưới đây:

1. Họ và tên:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Giới tính.....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....
5. Nơi sinh :.....
6. Quốc tịch :.....
7. Dân tộc.....
8. Nơi thường trú:
-
9. Nơi tạm trú:
-
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :.....Số:.....
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
11. Họ và tên vợ (hoặc chồng) :.....
12. Họ và tên cha:.....
13. Họ và tên mẹ:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-

.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú :

¹ Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

² Ghi rõ tên cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1159/UBND-KTN

An Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2023

V/v triển khai thực hiện Nghị
quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày
13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng
nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng Chương trình Bỏ trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Để đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời cơ chế, chính sách hỗ trợ cho người dân trên địa bàn tỉnh theo quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng Chương trình Bỏ trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo các tổ chức thành viên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp huyện, cấp xã quan tâm cùng tham gia hỗ trợ, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết trên và giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ cho người dân theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; hướng dẫn địa phương thực hiện các nội dung, hồ sơ thủ tục cấp phát chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định;

- Hằng năm, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp nhu cầu, dự kiến kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết;

- Định kỳ, hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp và nội dung liên quan thuộc Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm để triển khai thực hiện chính sách (trường hợp trung ương không hỗ trợ kinh phí cho tỉnh); hướng dẫn công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện theo quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương hỗ trợ thực hiện các chiến dịch truyền thông, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung và định mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung và định mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý biết và thực hiện;

- Thực hiện rà soát đối tượng, xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí ổn định các hộ gia đình, cá nhân vùng thiên tai sạt lở đất trên địa bàn hằng năm và giai đoạn 2021-2025, phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan; gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo, đề xuất kinh phí cấp có thẩm quyền và làm cơ sở thực hiện chính sách hỗ trợ cho người dân;

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện bố trí dân cư thuộc Chương trình trên địa bàn (định kỳ hoặc đột xuất) và gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về đối tượng rà soát, đề xuất thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn quản lý.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng sở, ban ngành đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 đảm bảo kịp thời, đúng quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thúy

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ : 16C, Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP.Long Xuyên –
AG

Điện thoại : 0296. 3856955

Fax : 0296. 3852037

Email : congbao@angiang.gov.vn

Website : <http://congbao.angiang.gov.vn>